

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 33/2023/DS-GĐT

Ngày 23-8-2023

V/v tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Du - Thẩm phán, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hồng Phúc;

Ông Lê Văn Minh;

Bà Lương Ngọc Trâm;

Bà Đào Thị Minh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Thủy - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Vương Văn Bép - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp chia thừa kế*” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1951; cư trú tại: Số 33, ngõ 55, tổ 19, phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1956; cư trú tại: Số 45, ngõ 55, tổ 19, phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đỗ Văn Đ (chết năm 2006).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Đ:

1.1. Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1940; cư trú tại: Số 28, ngõ 122/1 Lĩnh N, phường Mai Đ, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

1.2. Anh Đỗ Văn C; cư trú tại: Số 48, ngõ 122/1 Lĩnh N, phường Mai Đ, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

1.3. Chị Đỗ Thị Tuyết M; cư trú tại: Số 28, ngõ 122/1 Lĩnh N, phường Mai Đ, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

1.4. Anh Đỗ Văn Q; cư trú tại: Số 17, tổ 30, ngõ 122/1 Lĩnh N, phường Mai Đ, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

1.5. Anh Đỗ Văn P; cư trú tại: Số 14, tổ 25 Lĩnh N, phường Mai Đ, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

1.6. Chị Đỗ Thị Mai H1; cư trú tại: Số 27, ngõ 76, phố Hoa L, phường Việt H, quận Long B, thành phố Hà Nội.

2. Ông Đỗ Văn L1, sinh năm 1953; cư trú tại: Số 481 Phúc D, quận Bắc Từ L, thành phố Hà Nội.

3. Bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1944; cư trú tại: Căn hộ số 10, tầng 19, Tòa nhà G6, sảnh A, Khu đô thị R, số 72A, đường Nguyễn T, quận Thanh X, thành phố Hà Nội.

4. Bà Lê Thị Kim H3, sinh năm 1960;

5. Anh Đỗ Đình L2, sinh năm 1984;

6. Chị Đỗ Phương H4, sinh năm 1990;

Cùng cư trú tại: Số 95, ngõ 334, tổ 19, phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội.

7. Anh Đỗ Tuấn A, sinh năm 2000; cư trú tại: Tân K, phường Vĩnh H, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

8. Ông Nguyễn Đức M1, sinh năm 1961; cư trú tại: Thị trấn Thanh L, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc.

9. Bà Đình Kim N, sinh năm 1958; cư trú tại: Số 89, ngõ 334, tổ 19, phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Đỗ Văn H trình bày:

Cụ Đỗ Văn V, tên gọi khác là Đỗ Xuân V1 (chết năm 2005) và cụ Lê Thị T (chết năm 1989) có 05 người con chung là: Ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn Đ (chết năm 2006), bà Đỗ Thị H2, ông Đỗ Văn L1, ông Đỗ Văn L.

Cụ T và cụ V chết không để lại di chúc. Di sản các cụ để lại là:

1. Quyền sử dụng thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62 diện tích 386m² tại tổ 19, phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội được Ủy ban nhân dân quận Long B, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/7/2004 đứng tên cụ Đỗ Văn V.

2. Quyền sử dụng thửa đất ao số 06, tờ bản đồ số 62 diện tích 583m² tại tổ 19, phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội.

Toàn bộ 02 thửa đất nêu trên ông Đỗ Văn L đang là người quản lý, sử dụng. Khi cụ V còn sống có lập “Giấy đề nghị” đề ngày 02/11/2003 chia toàn bộ 02 thửa đất trên cho các con, tất cả các anh chị em trong gia đình đều nhất trí và ký tên trên giấy đề nghị. Sau đó, ông L không nhất trí nên không làm được Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Ông yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản hai cụ để lại, khi chia đề nghị dành lại một phần đất để sử dụng làm nhà thờ.

Đối với yêu cầu phản tố của ông L đòi chia khoản tiền đền bù đất nông nghiệp và diện tích đất 360m² mà gia đình ông đang quản lý sử dụng, ông không chấp nhận vì không phải đất của các cụ để lại, đất nông nghiệp cấp cho người trực tiếp canh tác, đã được cấp sổ đỏ mang tên gia đình ông.

Bị đơn là ông Đỗ Văn L trình bày:

Cụ T và cụ V chết để lại 03 thửa đất: Thửa đất số 05 và số 06 tờ bản đồ số 62 tại tổ 19, phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội vợ chồng ông đang quản lý sử dụng. Năm 1993, cụ V đã lập văn bản cho ông và ông L1 mỗi người 224m² đất vườn và 224m² đất ao, có xác nhận của chính quyền địa phương. Thửa đất thứ hai có diện tích 360m² tại địa chỉ số A tổ 20, phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội, ông H đang quản lý sử dụng. Thửa thứ ba là thửa đất 5% rau xanh diện tích 233m² ông H đã lĩnh tiền bồi thường và giữ số tiền đó không chia cho ai. Diện tích 360m² đất giãn dân cấp cho cụ T. Cụ T là xã viên hợp tác xã nên được cấp đất nông nghiệp trong khi ông H đi thoát ly nên không phải đối tượng cấp đất nông nghiệp. Ông đề nghị chia thừa kế theo pháp luật thửa đất có diện tích 360m² và khoản tiền bồi thường từ diện tích đất 5% do ông H đã lĩnh tiền bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị H2 trình bày: Đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích nhà đất của hai cụ do ông L đang quản lý, sử dụng và bác toàn bộ yêu cầu phản tố của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn L1 trình bày: Không tranh chấp về khoản tiền đền bù đất 5% rau xanh. Ông đề nghị chia thừa kế theo pháp luật và xin được nhận bằng hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim X, anh Đỗ Văn C, anh Đỗ Văn Q, chị Đỗ Thị Tuyết M, chị Đỗ Thị Mai H1, anh Đỗ Văn P là người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Đỗ Văn Đ trình bày: Không có đóng góp gì vào việc tôn tạo, giữ gìn quản lý di sản. Đề nghị chia thừa kế theo pháp luật và xin được hưởng bằng hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Kim N (là vợ của ông Đỗ Văn H) trình bày: Thống nhất với trình bày của ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Kim H3 (là vợ của ông L): Thống nhất với trình bày của ông L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2019/DS-ST ngày 01/11/2019, Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật” của nguyên đơn ông Đỗ Văn H đối với bị đơn ông Đỗ Văn L về việc chia di sản của cụ Đỗ Văn V (Đỗ Xuân V1) và cụ Lê Thị T để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với hai thửa đất số 05, 06 tờ bản đồ số 62 tại địa chỉ tổ 19, phường

Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội có tổng diện tích thực tế là 964,4m² và tài sản gắn liền với đất.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đỗ Văn L đối với nguyên đơn ông Đỗ Văn H về việc yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật của hai cụ Đỗ Văn V (Đỗ Xuân V1) và cụ Lê Thị T đối với tài sản nhà đất số 05, tờ bản đồ số 63, diện tích 353m² tại tổ 20, phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận số AP 593055 ngày 15/5/2009 do Ủy ban nhân dân quận Long B cấp cho ông Đỗ Văn H).

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đỗ Văn L đối với nguyên đơn ông Đỗ Văn H về việc yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật của hai cụ Đỗ Văn V (Đỗ Xuân V1) và cụ Lê Thị T đối với khoản tiền bồi thường diện tích 188m² đất nông nghiệp, thửa đất số 324, tờ bản đồ 330-II Ngọc T với số tiền là 368.988.000 đồng.

4. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Đỗ Văn V (Đỗ Xuân V1) là ngày 03/7/2005 và xác định thời điểm mở thừa kế của ông Đỗ Văn Đ là ngày 17/11/2006. Thời điểm mở thừa kế của ông Đỗ Văn T1 là ngày 01/9/2006.

5. Xác định di sản của cụ Đỗ Văn V và cụ Lê Thị T bao gồm quyền sử dụng hai thửa đất số 05, 06 tờ bản đồ số 62 tại địa chỉ tổ 19, phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội có tổng diện tích thực tế là 964,4m² và 01 căn nhà cấp 4 ký hiệu G1 diện tích 58,6m², 1 sân gạch 33,6m², 01 bể nước cũ hết giá trị sử dụng, 01 cổng cũ.

6. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ Đỗ Văn V và cụ Lê Thị T bao gồm: Ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn L, ông Đỗ Văn L1, bà Đỗ Thị H2, ông Đỗ Văn Đ (đã chết).

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Văn Đ bao gồm các ông bà: Bà Nguyễn Thị Kim X, ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn Q, bà Đỗ Thị Tuyết M, bà Đỗ Thị Mai H1, ông Đỗ Văn P.

Xác định thừa kế thế vị của ông Đỗ Văn Đ là anh Đỗ Tuấn A.

Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của hai cụ Đỗ Văn V và cụ Lê Thị T bao gồm: Ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn L, ông Đỗ Văn L1, bà Đỗ Thị H2, ông Đỗ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim X, ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn Q, bà Đỗ Thị Tuyết M, bà Đỗ Thị Mai H1, ông Đỗ Văn P và anh Đỗ Tuấn A.

7. Phân chia di sản thừa kế trên như sau:

7.1. Trích công sức giữ gìn, bảo quản, duy trì, tôn tạo di sản và chăm sóc nuôi dưỡng người để lại di sản như sau:

Trích công sức cho ông Đỗ Văn H và ông Đỗ Văn L mỗi người tương đương giá trị bằng 01 kỷ phần thừa kế, bà Đỗ Thị H2 và ông Đỗ Văn L1 mỗi người được tương đương giá trị của 1/2 kỷ phần thừa kế (một kỷ phần rưỡi).

7.2. Chia theo nguyên tắc chia bằng hiện vật là nhà và đất theo kỷ phần thừa kế. Tổng số kỷ phần sẽ là 8 phần thừa kế, trong đó ông Đỗ Văn L được chia 2 kỷ phần; ông Đỗ Văn H được chia 2 kỷ phần; Các ông bà: Ông Đỗ Văn Đ, bà

Nguyễn Thị Kim X, ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn Q, bà Đỗ Thị Tuyết M, bà Đỗ Thị Mai H1, ông Đỗ Văn P và ông Đỗ Tuấn A được chia chung nhau 1 kỷ phần (Hưởng thừa kế thế vị của ông Đỗ Văn Đ).

7.3. Phân chia di sản cụ thể như sau:

7.3.1. Chia và giao cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ V và cụ T diện tích đất $50,4m^2$, giới hạn bởi các điểm 27, 28, 29, 33, 34, 27 để làm nhà thờ. Các ông Đỗ Văn H, Đỗ Văn L, Đỗ Thị H2, Đỗ Văn L1 và các đồng thừa kế của ông Đỗ Văn Đ (bao gồm bà X và các ông bà Q, C, M, H1, Tuấn A) đều có quyền đồng quản lý sử dụng diện tích đất này mục đích làm nơi thờ cúng. Trị giá quyền sử dụng đất là 322.156.800 đồng.

Như vậy, sau khi trừ đi diện tích làm nhà thờ, thì phần đất còn lại là $964,4m^2 - 50,4m^2 = 914m^2$. Chia cho 08 phần thì mỗi kỷ phần nhận $114,25m^2$. Hai kỷ phần nhận $228,5m^2$, 1 $\frac{1}{2}$ kỷ phần nhận tương đương $171,75m^2$.

7.3.2. Chia cho ông Đỗ Văn L được quyền quản lý sử dụng phần diện tích đất $228,5m^2$, giới hạn bởi các điểm 23, 24, 25, 26, 27, 34, 33, 49, 48, 23 và 01 nhà cấp bốn ký hiệu G1, DTXD $58,6m^2$, giới hạn bởi các điểm 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 47, 46, 45, 33. Trị giá quyền sử dụng đất là 1.460.572.000 đồng. Chia cho ông L được quyền sở hữu sử dụng toàn bộ căn nhà $58,6m^2$ ký hiệu G1, 01 diện tích sân lát gạch đỏ diện tích $33,6m^2$ và 01 công cũ. Tổng cộng di sản trên đất chia cho ông L có trị giá 51.046.481 đồng. Ông L được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản khác gắn liền với phần đất được chia thừa kế nêu trên.

Phần đất ông L được chia đã tương đương với 2 kỷ phần thừa kế mà ông được Tòa án chia. Tổng trị giá di sản thừa kế ông L được chia là 1.511.618.481 đồng.

7.3.3. Chia cho ông Đỗ Văn L1 được quyền quản lý sử dụng phần diện tích đất $51,2m^2$, giới hạn bởi các điểm 18, 19, 20, 21, 22, 23, 48, 18 và quản lý sử dụng phần diện tích đất $114,3m^2$, giới hạn bởi các điểm 14, 15, 16, 31, 32, 14. Tổng diện tích đất chia cho ông L1 là $165,5m^2$. Trị giá thành tiền là 1.057.876.000 đồng. Ông L1 được toàn quyền sở hữu các tài sản gắn liền với các phần đất đã chia cho ông nêu trên.

7.3.4. Chia cho ông Đỗ Văn H được quản lý sử dụng phần diện tích đất $30,0m^2$, giới hạn bởi các điểm 17, 18, 48, 49, 17 và quản lý sử dụng phần diện tích đất $203,2m^2$, giới hạn bởi các điểm 1, 2, 12, 13, 14, 32, 1. Chia cho ông H được toàn quyền sở hữu các tài sản gắn liền với phần đất được chia bao gồm nhà tạm, tường bao. Tổng cộng ông H được chia $233,2m^2$, trị giá di sản ông H được nhận là 1.490.614.400 đồng.

7.3.5. Chia cho các đồng thừa kế của ông Đỗ Văn Đ (bao gồm bà Nguyễn Thị Kim X, ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn Q, bà Đỗ Thị Tuyết M, bà Đỗ Thị Mai H1, ông Đỗ Văn P và ông Đỗ Tuấn A) được quyền đồng quản lý sử dụng phần diện tích đất $114,3m^2$, giới hạn bởi các điểm 16, 17, 49, 29, 30, 31, 16 và được đồng sở hữu các tài sản trên đất được chia. Trị giá thành tiền là 730.605.600 đồng.

7.3.6. Chia cho bà Đỗ Thị H2 được quyền quản lý sử dụng phần diện tích đất 172,5m², giới hạn bởi các điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 2 và được sở hữu các tài sản gắn liền trên đất này. Trị giá thành tiền là 1.102.620.000 đồng.

7.3.7. Các ông bà được chia thừa kế nêu trên được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xác lập quyền sở hữu sử dụng hợp pháp đối với các phần tài sản nhà đất đã được phân chia thừa kế nêu trên theo quy định của pháp luật.

8. Thanh toán chênh lệch giá trị di sản:

Buộc ông Đỗ Văn H có trách nhiệm thanh toán giá trị tiền chênh lệch tài sản cho ông Đỗ Văn L1 khoản tiền là 30.042.400 đồng.

Buộc bà Đỗ Thị H2 có trách nhiệm thanh toán cho ông Đỗ Văn L1 số tiền chênh lệch tài sản là 6.072.400 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế không yêu cầu ông Đỗ Văn L phải trả tiền chênh lệch tài sản đã nhận. Các đồng thừa kế cũng không phải thanh toán cho ông Đỗ Văn L giá trị các phần tài sản gắn liền với phần đất mà họ được chia thừa kế theo bản án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đỗ Văn L có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 391/2020/DS-PT ngày 28/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Văn L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên và quyết định cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “chia thừa kế theo pháp luật” của nguyên đơn ông Đỗ Văn H đối với bị đơn ông Đỗ Văn L về việc chia di sản của hai cụ Đỗ Văn V (Đỗ Xuân V1) và cụ Lê Thị T để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 05, 06, tờ bản đồ số 62 tại địa chỉ tổ 19 phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đỗ Văn L. Xác định “Đơn xin chia đất cho con năm 1993” là di chúc của cụ Đỗ Văn V (Đỗ Xuân V1). Cụ V1 định đoạt toàn bộ tài sản trong khối tài sản chung với vợ là cụ Lê Thị T giao cho ông Đỗ Văn L, ông Đỗ Văn L1.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đỗ Văn L đối với nguyên đơn ông Đỗ Văn H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật tài sản gồm nhà đất thửa 05, tờ bản đồ số 63, diện tích 353m² tại tổ 20, phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận số AP 593055 ngày 15/5/2009 do Ủy ban nhân dân quận Long B cấp cho ông Đỗ Văn H) và khoản tiền bồi thường diện tích 188m² đất nông nghiệp, thửa đất số 324, tờ bản đồ số 330-II phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội với số tiền 368.988.000 đồng.

4. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Đỗ Văn V (tên gọi khác Đỗ Xuân V1) ngày 03/7/2005 và thời điểm mở thừa kế của cụ Lê Thị T là ngày 02/5/1989. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Đỗ Văn Đ là ngày 17/11/2006. Thời điểm mở thừa kế của ông Đỗ Văn T1 là ngày 01/9/2006.

Trước khi chết cụ T không để lại di chúc, cụ V1 để lại di chúc “Đơn xin chia đất cho con năm 1993”.

5. Công nhận “Đơn xin chia đất cho con ngày 12/02/1993” của cụ V1 là di chúc và có hiệu lực pháp luật một phần đối với quyền tài sản của cụ V1 trong khối tài sản chung với cụ T. Các ông Đỗ Văn L, ông Đỗ Văn L1 là người được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ V1.

6. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ Đỗ Văn V và cụ Lê Thị T bao gồm: Ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn L, ông Đỗ Văn L1, bà Đỗ Thị H2, ông Đỗ Văn Đ (chết).

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Văn Đ gồm: Bà Nguyễn Thị Kim X, ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn Q, bà Đỗ Thị Tuyết M, bà Đỗ Thị Mai H1, ông Đỗ Văn P.

Xác định thừa kế thế vị của ông Đỗ Văn Đ là anh Đỗ Tuấn A.

Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của hai cụ Đỗ Văn V và cụ Lê Thị T bao gồm: Ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn L, ông Đỗ Văn L1, bà Đỗ Thị H2, ông Đỗ Văn Đ (do các hàng thừa kế thứ nhất, thừa kế thế vị hưởng gồm bà Nguyễn Thị Kim X, ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn Q, bà Đỗ Thị Tuyết M, bà Đỗ Thị Mai H1, ông Đỗ Văn P và anh Đỗ Tuấn A).

7. Về di sản:

7.1. Xác định thửa đất số 05+06, tờ bản đồ số 62, địa chỉ tổ A phường N, quận L, thành phố Hà Nội diện tích đo thực tế 964,4m² (giá trị quyền sử dụng đất là 6.164.444.800 đồng) và trên đất có nhà cấp 4, diện tích 58,6m²; sân gạch 33,6m²; 01 cổng; 01 bể nước cũ (giá trị phần xây dựng là 51.046.481 đồng) có tổng giá trị là 6.215.491.281 đồng là di sản của cụ Đỗ Văn V (Đỗ Xuân V1) và cụ Lê Thị T.

Các đương sự đồng thừa kế tự nguyện thỏa thuận sử dụng chung phần diện tích 50,4m² đất có giá trị 322.156.800 đồng tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 62, địa chỉ tổ 19 phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội để vào mục đích làm nơi thờ cúng và không yêu cầu chia thừa kế. Tòa ghi nhận. Diện tích còn lại 914m² đất có giá trị 5.842.288.000 đồng là di sản của cụ V1, cụ T được xác định, phân chia như sau:

7.2. Xác định di sản của cụ Đỗ Văn V là quyền sử dụng 457m² đất có giá trị 2.921.144.000 đồng, tại thửa đất số 05+06, tờ bản đồ số 62 địa chỉ tổ 19 phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội đã định đoạt chia cho ông Đỗ Văn L, ông Đỗ Văn L1 mỗi người được hưởng thừa kế 228,5m² đất theo di chúc “Đơn xin chia đất cho con năm 1993” của cụ V.

7.3. Xác định di sản của cụ Lê Thị T để lại là 457m² đất tại thửa đất số 05+06, tờ bản đồ số 62, địa chỉ tổ 19 phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội và di sản của 02 cụ V, cụ T để lại là các tài sản trên đất gồm 01 căn nhà cấp 4 ký hiệu G1 diện tích 58,6m², 01 sân gạch 33,6m², 01 cổng, 01 bể nước cũ có tổng giá trị là 2.972.190.481 đồng để chia thừa kế theo pháp luật.

8. Phân chia di sản thừa kế nêu trên theo pháp luật như sau:

- Chia di sản thừa kế là 457m² thành 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 57,125m² có giá trị 371.523.810 đồng. Trong đó, ông Đỗ Văn L được chia 02 kỷ phần; ông Đỗ Văn H được chia 02 kỷ phần; ông Đỗ Văn L1 được chia 3/2 kỷ phần; bà Đỗ Thị H2 được chia 3/2 kỷ phần; các ông Đỗ Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim X, ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn Q, bà Đỗ Thị Tuyết M, bà Đỗ Thị Mai H1, ông Đỗ Văn P và ông Đỗ Tuấn A được chia chung nhau 01 kỷ phần (hưởng thừa kế, thừa kế thế vị của ông Đỗ Văn Đ).

- Trích công sức giữ gìn, bảo quản, duy trì, tôn tạo di sản và chăm sóc nuôi dưỡng người để lại di sản cho ông Đỗ Văn H và ông Đỗ Văn L mỗi người được hưởng giá trị bằng 01 kỷ phần thừa kế; Bà Đỗ Thị H2 và ông Đỗ Văn L1 mỗi người được hưởng giá trị bằng ½ kỷ phần thừa kế.

9. Phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật cụ thể như sau:

9.1. Chia diện tích 50,4m² đất trên thửa đất số 05, tờ bản đồ 62, địa chỉ tổ 19 phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội, giới hạn bởi các điểm 27, 28, 29, 31, 27 cho các đồng thừa kế của hai cụ V, cụ T quản lý, sử dụng chung mục đích làm nhà thờ.

9.2. Chia cho ông Đỗ Văn Đ (do các hàng thừa kế, thừa kế thế vị) quản lý sử dụng phân diện tích 58,1m² đất và các tài sản gắn liền với đất giới hạn bởi các điểm 17, 18, 33, 32, 17.

9.3. Chia cho bà Đỗ Thị H2 quản lý sử dụng phân diện tích 87,18m² đất và các tài sản gắn liền với đất giới hạn bởi các điểm 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 3.

9.4. Chia cho ông Đỗ Văn H quản lý sử dụng phân diện tích đất 116,25m² và các tài sản gắn liền với đất giới hạn bởi các điểm 16, 17, 32, 31, 29, 30, 16.

9.5. Chia cho ông Đỗ Văn L1 quản lý sử dụng phân diện tích đất 315,68m² và các tài sản gắn liền với đất giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 30.

9.6. Chia cho ông Đỗ Văn L quản lý sử dụng phân diện tích đất 344,75m² và các tài sản gắn liền với đất giới hạn bởi các điểm 27, 31, 32, 33, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27.

Các ông bà được chia thừa kế nêu trên có quyền, nghĩa vụ chủ động liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

10. Thanh toán chênh lệch giá trị di sản:

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc tài sản gắn liền với đất chia thừa kế cho ai thì người đó được toàn quyền quản lý, sử dụng, sở hữu theo đất được chia, không đề nghị người được nhận tài sản trên đất nhiều hơn phải thanh toán tiền chênh lệch cho người khác. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế không yêu cầu ông Đỗ Văn L phải trả tiền chênh lệch tài sản đã nhận.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 23/12/2020, ông Đỗ Văn H có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 39/2021/KN-DS ngày 17/9/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 391/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 391/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Long B, thành phố Hà Nội.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 49/2022/DS-GĐT ngày 07/6/2022, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 39/2021/KN-DS ngày 19/9/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 391/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội về vụ án “Tranh chấp chia thừa kế” giữa nguyên đơn là ông Đỗ Văn H với bị đơn là ông Đỗ Văn L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

Ngày 04/01/2023, ông Đỗ Văn L có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 23/2023/KN-DS ngày 31/5/2023, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Quyết định giám đốc thẩm số 49/2022/DS-GĐT ngày 07/6/2022 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định giám đốc thẩm số 49/2022/DS-GĐT ngày 07/6/2022 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 391/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Đỗ Văn V (chết năm 2005) và cụ Lê Thị T (chết năm 1989) có năm người con chung là: Ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn Đ (chết năm 2006), bà Đỗ Thị

H2, ông Đỗ Văn L1, ông Đỗ Văn L. Quá trình chung sống hai cụ tạo lập được khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 62 diện tích 386m² tại tổ 19, phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội được Ủy ban nhân dân quận Long B, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/7/2004 đứng tên cụ Đỗ Văn V; và quyền sử dụng thửa đất ao số 06, tờ bản đồ số 62 diện tích 583m² tại tổ 19, phường Ngọc T, quận Long B, thành phố Hà Nội. Toàn bộ hai thửa đất này ông L đang quản lý, sử dụng.

[2] Cụ T chết năm 1989 không để lại di chúc. Sau khi cụ T chết, cụ V lập “Đơn xin chia đất cho con” đề ngày 12/02/1993 chia cho ông L và ông L1 mỗi người được 224m² đất vườn và 224m² đất ao thuộc thửa đất số 05 và số 06 tờ bản đồ số 62, “Đơn xin chia đất cho con” có chứng nhận của Trưởng thôn, được Cán bộ Địa chính xã xác nhận là đã kiểm tra và sửa tên trên bản đồ, sổ địa chính, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Ngọc T.

[3] Nguyên đơn là ông H và các thừa kế khác (trừ ông L, ông L1) không thừa nhận “Đơn xin chia đất cho con” đề ngày 12/02/1993 là của cụ V vì cụ V không biết chữ, “Đơn xin chia đất cho con” là do ông L tự viết, ký rồi xin chứng thực của chính quyền địa phương, nhưng ông H và những người thừa kế này xác định khi còn sống cụ V có lập “Đơn đề nghị” đề ngày 02/11/2003 chia toàn bộ 02 thửa đất trên cho các con. Xét thấy “Đơn đề nghị” đề ngày 02/11/2003 có nội dung: “...Trước đây tôi nói chia lô đất này cho hai con trai tôi là Đỗ Văn L1 và Đỗ Văn L, nhưng nay tôi thấy việc chia đất này chưa hợp lý vì tôi chưa hợp đủ các con. Nay tôi triệu tập các con tôi để chia lại lô đất này...”, ông H, ông L1 và bà H2 thừa nhận chữ ký trong “Đơn đề nghị” này là của mình. Như vậy, có cơ sở để xác định ý chí của cụ V chia đất cho ông L và ông L1 như trong “Đơn xin chia đất cho con” đề ngày 12/02/1993 là có thực. Do đó, “Đơn xin chia đất cho con” đề ngày 12/02/1993 được xác định là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, việc cụ V chia toàn bộ hai thửa đất số 05 và số 06, tờ bản đồ số 62 là tài sản chung của cụ T và cụ V cho ông L và ông L1 là vượt quá phần quyền tài sản cụ V được định đoạt. Vì vậy, chỉ công nhận phần tài sản của cụ V là ½ diện tích thửa đất số 05 và thửa đất số 06 mà cụ V đã chia cho ông L và ông L1, còn ½ diện tích hai thửa đất là di sản của cụ T được chia thừa kế theo pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chia toàn bộ hai thửa đất số 05 và số 06 cho các đồng thừa kế là không đảm bảo quyền lợi của ông L, ông L1. Tòa án cấp phúc thẩm xác định “Đơn xin chia đất cho con” đề ngày 12/02/1993 là di chúc của cụ V là không đúng với quy định của pháp luật về thừa kế, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm chia ½ diện tích của hai thửa đất số 05 và số 06 là tài sản của cụ V cho ông L và ông L1, mỗi người một nửa, còn ½ diện tích của hai thửa đất số 05 và số 06 là di sản của cụ T được chia thừa kế theo pháp luật về bản chất là đã đảm bảo quyền lợi của các đương sự và đúng quy định của pháp luật. Quyết định giám đốc thẩm hủy Bản án phúc thẩm, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

[4] Sau khi có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 23/2023/KN-DS ngày 31/5/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, bà Đỗ Thị H2 có đơn đề nghị trung cầu giám định chữ viết, chữ ký trong “Đơn xin chia đất cho con” đề ngày 12/02/1993, nhưng như đã phân tích ở trên thì ý chí của cụ V chia đất cho

ông L và ông L1 như trong “Đơn xin chia đất cho con” đề ngày 12/02/1993 là có thực, nên không cần thiết phải giám định chữ viết, chữ ký của cụ T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 2 Điều 343 và Điều 344 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 23/2023/KN-DS ngày 31/5/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 49/2022/DS-GĐT ngày 07/6/2022 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về vụ án dân sự “*Tranh chấp chia thừa kế*” giữa nguyên đơn là ông Đỗ Văn H với bị đơn là ông Đỗ Văn L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 391/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSNDTC (Vụ 9);
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- TAND quận Long B, thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Long B, Hà Nội;
- Vụ Tổng hợp TANDTC (kèm hồ sơ vụ án);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GDKT II TANDTC (02 bản), TKPCA, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Du